

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 2 - Năm học: 2024 - 2025

Lớp học phần: [23401519] - Giáo dục quốc phòng - An ninh (CCQ2415A)

Giảng viên: Nguyễn Thành Quân - 234006

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Hệ số 1			Hệ số 2		ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
						LT1	LT2	ĐL	BS	RL				
1	2124230020	Đỗ Kỳ	Anh	08/04/2006	Điện tử truyền thông A	8.7	8.1	6.5	8.0	8.5	8.0	6.8	7.3	
2	2124150048	Hồ Sỹ Tuấn	Anh	05/11/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	7.5	7.5	7.5	8.3	8.5	8.0	5.6	6.6	nghi học
3	2124150060	Đoàn Tấn	Bảo	18/04/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	7.8	6.6	7	8.3	7.0	7.4	7.4	7.4	
4	2124150036	Lê Quốc	Bảo	26/11/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B						0.0	0.0	0.0	
5	2124150037	Nguyễn Sơn	Ca	12/08/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	7.2	7.8	7	8.3	7.0	7.5	6.6	7.0	
6	2124230001	Hồ Hữu	Chánh	10/07/2006	Điện tử truyền thông A	5.4	6.6	7	9.3	7.0	7.4	6.8	7.0	
7	2124230003	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Đạt	24/11/2006	Điện tử truyền thông A	5.1	6.6	7	7.7	7.0	6.9	6.8	6.8	
8	2124230017	Nguyễn Ngọc Anh	Đạt	16/01/2006	Điện tử truyền thông A	6.6	6.9	6.5	6.3	7.0	6.7	4.4	5.3	
9	2124150023	Nguyễn Quốc	Đạt	22/07/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	6.3	6.6	7	7.7	7.0	7.0	7.0	7.0	
10	2124150063	Nguyễn Tiến	Đạt	28/05/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	5.7	7.2	7	7.0	7.0	6.8	7.2	7.1	
11	2124150025	Võ Duy	Đạt	06/06/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	7.5	7.5	7	7.0	8.0	7.4	4.8	5.9	
12	2124150049	Lê Trí	Dũng	08/06/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	6	6.9	7	8.7	9.5	8.0	7.2	7.5	
13	2124150067	Nguyễn Đăng	Duy	14/12/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	6.9	7.8	7	5.7	7.0	6.7	6.0	6.3	
14	2124150019	Văn Tấn	Duy	25/03/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	6.9	8.1	8	7.0	9.0	7.9	6.0	6.7	
15	2124150010	Nguyễn Nhật	Hào	02/04/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A						0.0	0.0	0.0	
16	2124230015	Huỳnh Hoài	Hiền	23/11/2004	Điện tử truyền thông A	6.6	6.9	6.5	7.7	7.0	7.0	6.2	6.5	
17	2124150030	Trần Phú	Hiền	28/10/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	7.5	7.2	7	8.33	7.0	7.5	5.6	6.4	

18	2124150066	Phạm Văn	Hiệp	14/02/2000	CNKT ĐK và tự động hóa B						0.0	0.0	0.0	
19	2124150011	Lê Minh	Hiếu	21/12/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	6.9	6.9	7	8.33	7.0	7.4	6.4	6.8	
20	2124150098	Lê Minh	Hiếu	04/08/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	6.6	6.9	7	9.3	8.5	8.0	6.4	7.0	
21	2124150053	Võ Trung	Hiếu	04/10/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	6	7.8	7	4.7	7.0	6.3	6.8	6.6	
22	2124150007	Trảo An Huy	Hoàng	31/10/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	5.4	6.9	7	8.0	7.0	7.0	6.8	6.9	
23	2124150009	Võ Nguyễn Minh	Hoàng	02/11/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	7.8	8.1	8	8.67	8.0	8.2	6.2	7.0	
24	2124150054	Nguyễn Văn	Hội	06/02/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	8.7	9.6	8	8.3	7.0	8.1	7.4	7.7	
25	2124150087	Nguyễn Tấn	Hùng	22/08/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	9	9	7.5	8.3	7.0	8.0	6.8	7.3	
26	2124150056	Lê Đình Khánh	Hưng	04/09/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	8.1	8.4	7	8.3	7.0	7.7	6.4	6.9	
27	2124150005	Lê Việt	Hưng	22/05/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	6.6	8.7	8	9.3	9.5	8.7	6.2	7.2	
28	2124150003	Ngô Quốc	Huy	13/10/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	7.8	8.4	8	10.0	7.0	8.3	7.4	7.8	
29	2124230035	Nguyễn Trọng	Huy	30/06/2006	Điện tử truyền thông A	7.8	8.7	7	8.7	8.5	8.3	7.8	8.0	
30	2124150028	Trần Bá	Huy	22/09/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	5.7	7.5	7	8.7	6.5	7.2	6.8	7.0	
31	2124230028	Trần Trường	Huy	23/03/2006	Điện tử truyền thông A	7.5	9	6.5	7.7	7.0	7.5	5.6	6.4	
32	2124150021	Nguyễn Thành	Khải	23/02/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	7.2	7.5	8	7.7	7.0	7.4	4.8	5.9	
33	2124230030	Đỗ Nam	Khánh	05/01/2006	Điện tử truyền thông A	7.2	7.5	6.5	9.0	7.0	7.6	6.6	7.0	
34	2124150064	Đỗ Đăng	Khoa	01/01/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	6.9	7.5	7	9.7	7.0	7.8	6.2	6.8	
35	2124230034	Nguyễn Đức Anh	Khoa	18/03/2006	Điện tử truyền thông A	6.9	8.1	6.5	4.7	7.0	6.4	6.4	6.4	
36	2124230039	Nguyễn Chí	Kiên	21/11/2006	Điện tử truyền thông A						0.0	0.0	0.0	
37	2124150027	Nguyễn Trung	Kiên	16/08/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	5.1	6.6	7	6.3	7.0	6.5	5.4	5.8	
38	2124150015	Châu Gia	Kiệt	11/02/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	7.5	6	7	9.0	7.0	7.5	6.4	6.8	
39	2124230037	Lê Anh	Kiệt	05/01/2006	Điện tử truyền thông A	6.6	7.2	6.5	5.0	7.0	6.3	6.6	6.5	
40	2124150008	Nguyễn Hoàng	Lịch	27/04/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	7.2	7.8	7	8.0	7.0	7.4	6.2	6.7	
41	2124230006	Nguyễn Thành	Lộc	15/02/2006	Điện tử truyền thông A	6	8.7	7	9.3	7.0	7.8	6.8	7.2	
42	2124150006	Nguyễn Hoàng	Long	17/10/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	4.8	6	7	9.0	8.5	7.5	7.0	7.2	
43	2124150047	Trần Văn	Mẫn	21/01/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	6.6	8.7	7.5	8.3	7.0	7.6	6.8	7.1	
44	2124150045	Phạm Tấn	Mạnh	28/03/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	6.3	6.6	7	8.0	7.0	7.1	6.4	6.7	
45	2124150001	Cà Văn	Minh	01/01/2001	CNKT ĐK và tự động hóa A	6.3	8.1	8	8.0	7.0	7.5	5.8	6.5	

46	2124230014	Lê Thị Trà	My	25/02/2006	Điện tử truyền thông A	7.5	8.7	8	7.7	9.0	8.2	7.8	8.0	
47	2124230011	Nguyễn Thảo	Nguyên	07/04/2006	Điện tử truyền thông A	7.2	6.9	8	9.0	7.5	7.9	6.0	6.7	
48	2124230012	Trần Phạm Khánh	Nguyên	11/09/2006	Điện tử truyền thông A	6.6	6	7	8.3	7.0	7.2	7.4	7.3	
49	2124150016	Võ Thanh	Nguyên	12/09/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	7.5	7.8	7	9.3	9.0	8.4	5.8	6.8	
50	2124230018	Võ Minh	Nhật	19/10/2006	Điện tử truyền thông A	3	8.1	7	8.7	7.0	7.1	5.0	5.8	
51	2124150061	Nguyễn Jên	Ni	23/10/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	7.2	7.8	8	8.3	9.0		6.8		
52	2124150014	Trương Tấn	Phát	20/06/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	6.3	7.5	7	8.3	7.0		5.4		
53	2124230027	Nguyễn Hữu	Phong	03/05/2006	Điện tử truyền thông A	6.9	8.4	7	4.3	7.0		6.8		
54	2124150044	Nguyễn Thanh	Phong	24/02/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	7.2	8.4	7	7.7	7.0		6.4		
55	2124150013	Kiều Diễm	Phúc	29/06/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	6.9	7.5	8	9.7	10.0		7.6		
56	2124150097	Nghiêm Văn	Phúc	28/07/1999	CNKT ĐK và tự động hóa A	6.9	8.4	8	5.7	8.5		5.8		
57	2124150032	Nguyễn Thanh Hoàng	Phúc	29/01/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	7.2	6.6	7	8.7	7.5		7.2		
58	2124230007	Trương Trường	Phúc	21/10/2006	Điện tử truyền thông A	9	7.5	6.5	10.0	7.0		7.0		
59	2124150043	Nguyễn Trần Thiên	Phước	02/01/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	6.6	7.2	7	8.3	7.0		7.2		
60	2124150022	Hồ Lê Phước	Quan	18/01/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	7.2	8.1	8	9.0	8.6		7.0		
61	2124150046	Đỗ Phi	Quân	08/03/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	6.3	8.1	7.5	9.0	10.0		7.0		
62	2124230008	Nguyễn Thanh	Sang	15/09/2006	Điện tử truyền thông A	7.2	7.8	6.5	8.7	7.0	7.5	7.0	7.2	
63	2124150042	Đặng Văn	Son	16/11/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	7.5	7.2	7	5.0	9.5	7.2	7.4	7.3	
64	2124150034	Nguyễn Thành	Tài	23/06/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	4.5	4.2	8	10.0	8.5	7.7	4.8	5.9	
65	2124150024	Phạm Đức	Tài	07/04/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	8.7	8.4	7.5	9.0	7.0	8.1	6.6	7.2	
66	2124150057	Lê Nguyên	Tân	04/01/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	6.6	7.2	7.5	9.33	7.5	7.9	6.6	7.1	
67	2124230010	Võ Thanh	Tấn	01/09/2006	Điện tử truyền thông A	6.6	7.8	7	5.67	10.0	7.5	5.8	6.5	
68	2124150062	Huỳnh Bá	Thiên	06/06/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	6.3	8.7	7.5	7.7	7.0	7.4	6.8	7.0	
69	2124230036	Nguyễn Minh	Thiện	17/10/2006	Điện tử truyền thông A	4.8	8.7	7	7.0	7.5	7.1	7.2	7.1	
70	2124230002	Thái Trường	Thịnh	10/12/2006	Điện tử truyền thông A	7.2	6.6	7	8.7	8.5	7.9	8.0	8.0	
71	2124230019	Võ Xuân	Tiến	17/02/2006	Điện tử truyền thông A	7.5	7.8	6.5	7.3	7.0	7.2	8.0	7.7	
72	2124230031	Nguyễn Cao	Toàn	22/09/2006	Điện tử truyền thông A	8.4	7.2	6.5	9.7	10.0	8.8	7.8	8.2	
73	2124150012	Trần Hữu	Toàn	15/12/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	6.3	8.1	7.5	8.7	7.0	7.6	6.8	7.1	

74	2124150040	Nguyễn Đức	Trí	05/07/2006	CNKT ĐK và tự động hóa B	7.2	5.4	7.5	8.67	8.0	7.6	8.0	7.9	
75	2124150029	Phạm Trung	Trúc	02/04/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	7.5	8.4	8	8.0	7.0	7.7	6.6	7.0	
76	2124150026	Lê Văn	Truyền	31/03/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	5.7	7.2	7.5	7.7	7.0	7.1	6.8	6.9	
77	2124150031	Lê Anh	Tuấn	20/01/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	8.1	9	7.5	8.7	7.5	8.1	7.4	7.7	
78	2124150017	Võ Văn	Tùng	10/02/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	6.9	7.2	7.5	7.0	6.5	6.9	7.0	7.0	
79	2124150002	Phạm Quốc	Việt	14/09/2006	CNKT ĐK và tự động hóa A	6.9	7.5	8	8.7	7.0	7.7	7.8	7.8	
80	2124230022	Lê Quang	Vinh	15/02/2006	Điện tử truyền thông A	7.8	7.5	6.5	8.3	7.0	7.5	5.8	6.5	

p. HCM, ngày 21 tháng 5 năm 202:

Giảng viên



Nguyễn Thành Quân